TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 7 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đém**

2. Ông **Trần Văn Hiểu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh **Phan Phi L**, sinh năm 1984: có mặt

Địa chỉ: ấp P, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

*2. Bị đơn:*Chị **Sử Kiều Tr**, sinh năm 1996: vắng mặt

Địa chỉ: ấp P, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phan Phi L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Sử Kiều Tr có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 04/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh

Vĩnh Long. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến ngày 31/10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Tr bỏ chồng con đi theo người đàn ông khác dẫn đến ly thân cho đến nay. Do vậy, nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 12/11/2015 đang chung sống bên nội. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Sử Kiều Tr không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 19/3/2019, ông Phan Văn Bé H là cha ruột của anh Phan Phi L xác định: Do chị Tr thường xuyên lên mạng nói chuyện với người khác dẫn đến vợ chồng cự cãi, sau đó chị Tr bỏ đi chung sống với người đàn ông khác. Chị Tr bỏ đi khoảng 03 tháng và có về giành con nhưng do cháu Phan Gia B sống bên nội từ nhỏ và chị Tr không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị giao con cho anh L nuôi dưỡng. Anh L, chị Tr không có tài sản chung, nợ chung.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2017 ngày 04/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, chị Sử Kiều Tr và anh Phan Phi L là vợ chồng.

Theo Giấy khai sinh số 26/2017 ngày 18/02/2017, cháu Phan Gia B, sinh ngày 12/11/2015 là con chung của chị Sử Kiều Tr và anh Phan Phi L.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xử cho anh Phan Phi L được ly hôn với chị Sử Kiều Tr.

- Về con chung: Giao cháu Phan Gia B, sinh ngày 12/11/2015 cho anh Phan Phi L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Sử Kiều Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự chưa có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, Vị kiểm sát viên còn đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sử Kiều Tr và anh Phan Phi L là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa chị Tr và anh L đã có mâu thuẫn vợ chồng được hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giao cháu Phan Gia B, sinh ngày 12/11/2015 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của vị kiểm sát viên là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung**:** Đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Phan Phi L được ly hôn với chị Sử Kiều Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Gia B, sinh ngày 12/11/2015 cho anh Phan Phi L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Sử Kiều Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung**:** Đương sự chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

4.Về án phí: Anh Phan Phi L có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015082 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, anh L đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện T;
-THADS huyện T;
- UBND xã Th;
(GCN kết hôn số 08/2017)
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu